

ĐIỂM TRÚNG TUYỂN XÉT TUYỂN ĐỢT 1 ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2019
(Kèm theo quyết định số: 3147/QĐ - TĐHYKPNT, ngày 09/08/2019)

STT	Tên ngành	Mã ngành	Điểm trúng tuyển	Mức điều kiện so sánh
1	Y khoa	7720101TP	23.50	NN >= 8.6;DTB12 >= 9.6;VA >= 7.75;TTNV <= 2
2	Y khoa	7720101TQ	24.65	NN >= 5.6;DTB12 >= 8.3;VA >= 5;TTNV <= 1
3	Dược học	7720201TP	23.35	NN >= 7.2;DTB12 >= 9.1;VA >= 6.75;TTNV <= 1
4	Dược học	7720201TQ	23.55	NN >= 7.4;DTB12 >= 8.5;VA >= 6.25;TTNV <= 4
5	Điều dưỡng	7720301TP	20.60	NN >= 7.2;DTB12 >= 8.6;VA >= 6.5;TTNV <= 5
6	Điều dưỡng	7720301TQ	20.60	NN >= 0;DTB12 >= 0;VA >= 0;TTNV <= 2
7	Dinh dưỡng	7720401TP	20.15	NN >= 4.4;DTB12 >= 0;VA >= 0;TTNV <= 7
8	Dinh dưỡng	7720401TQ	20.35	NN >= 3;DTB12 >= 7;VA >= 4.5;TTNV <= 4
9	Răng Hàm Mặt	7720501TP	24.05	NN >= 9.2;DTB12 >= 9;VA >= 7.25;TTNV <= 2
10	Răng Hàm Mặt	7720501TQ	25.15	NN >= 7.6;DTB12 >= 8.9;VA >= 7.08;TTNV <= 2
11	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601TP	22.75	NN >= 8.4;DTB12 >= 8.4;VA >= 6;TTNV <= 5
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601TQ	22.60	NN >= 5;DTB12 >= 8.8;VA >= 6;TTNV <= 2
13	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602TP	21.90	NN >= 6.2;DTB12 >= 8.9;VA >= 4.5;TTNV <= 6
14	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602TQ	21.45	NN >= 6.6;DTB12 >= 8.2;VA >= 4.25;TTNV <= 4
15	Khúc xạ nhãn khoa	7720699TP	21.55	N1 >= 9;DTB12 >= 0;VA >= 0;TTNV <= 3
16	Khúc xạ nhãn khoa	7720699TQ	21.75	N1 >= 10;DTB12 >= 8.9;VA >= 6.25;TTNV <= 4
17	Y tế công cộng	7720701TP	18.30	NN >= 4.4;DTB12 >= 8.2;VA >= 5;TTNV <= 2
18	Y tế công cộng	7720701TQ	18.05	NN >= 7;DTB12 >= 8;VA >= 4.75;TTNV <= 2

Ghi chú:

- Mã ngành có chữ “TP”: Thí sinh có HK tại Tp.HCM,
- Mã ngành có chữ “TQ”: Thí sinh có HK ngoài Tp.HCM,

- Điểm trúng tuyển: Điểm tổ hợp môn B00 và điểm ưu tiên (nếu có),
 - Các trường hợp đồng điểm trúng tuyển được sử dụng “Mức điều kiện so sánh” để xét tuyển:
- *NN: điểm thi ngoại ngữ; N1: điểm thi môn Anh văn; ĐTB12: Điểm trung bình lớp 12; VA: điểm thi môn văn; TTNV: thứ tự nguyện vọng.*

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

PGS. TS. Ngô Minh Xuân